**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 2 | **Chủ đề 1: Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số******Các phép tính với phân số*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. |  |  | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  | **2**(1,5 đ) |  |  | **10%** |
|  | ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |  |  |  |  | **1**(1,0 đ) | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  |  |  |  | **1**(1,0 đ) |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |  | **1**(1,0 đ) |  |  | **10%** |
| 4 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  |  |  |  |  |  | 1(0,5 đ) |  |  | **5%** |
| 5 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia. | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. |  | **1**(2,0 đ) |  |  |  |  |  |  | **25%** |
| **Tổng** |  | 4 | 1 | 2 | 1 | 0 | 4 | 0 | 1 | 12 |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **20%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(CHỈ CÓ BẢNG NÀY MỚI PHẢI ĐƯA VÀO TRONG GIÁO ÁN)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT****(1)** | **Chương/****Chủ đề****(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức****(3)** | **Mức độ đánh giá****(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm****(13)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 2 | **Chủ đề 1: Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số******Các phép tính với phân số*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. (Câu 1) | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước.(Câu 4) |  |  | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.(Câu 7a,b)– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).(Câu 7c) |  |  |  |  |  | **2**(1,5 đ) |  |  | **15%** |
|  | ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số.(Câu 11) |  |  |  |  |  |  |  | **1**(1,0 đ) | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).(Câu 2) | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). (Câu 9a) |  |  |  | **1**(1,0 đ) |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). (Câu 9b) |  |  |  |  |  | **1**(1,0 đ) |  |  | **10%** |
| 4 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). (Câu 5) | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. (Câu 6) |  |  | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.(Câu 8) |  |  |  |  |  | 1(0,5 đ) |  |  | **5%** |
| 5 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.(Câu 3) | **1**(0,5 đ) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, tia,trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.(Câu 10) |  | **1**(2 đ) |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** |  | 4 | 1 | 2 | 1 | 0 | 3 | 0 | 1 | 12 |
| **Tỉ lệ %** |  | **40** | **20%** | **30%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60%** | **40%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II** |
| **HUYỆN KIM SƠN** | **Năm học:** |
|  | **MÔN: TOÁN 6** |
|  | *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) *Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***.

**Câu 1.** Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**.  | **B**.  | **C**.  | **D**.  |

**Câu 2.**Những thông tin thu thập được như : số, chữ, hình ảnh… được gọi là gì ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Dữ liệu | **B.** Số liệu | **C.** Thông kê | **D**. Phân loại dữ liệu |
| **Câu 3.** Cho hình vẽ bên:Đường thẳng m không đi qua những điểm nào?**A.** Điểm A.**B.** Điểm B, điểm C và điểm D.**C.** Điểm B và điểm C.**D.** Điểm D và điểm C. |  |

**Câu 4.** Cách viết nào sau đây là **đúng**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**.  | **B**.  | **C**.  | **D**.  |

**Câu 5.** Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**.  | **B**.  | **C**.  | **D**. S; N |

**Câu 6**. Biết rằng xúc xắc có 6 mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1; 2; 3; 4; 5; 6. Gieo con xúc xắc một lần. Số kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc xắc là:

**A**. 1 **B**. 2 **C**. 4 **D.** 6

**II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 7 ( 1,5 điểm).** Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) b) 

c) 

**Câu 8 (0,5 điểm).** Trong hộp có một số bút màu xanh và một số bút màu đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 chiếc bút từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 30 lần ta được kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại bút | Bút màu xanh | Bút màu đỏ |
| Số lần | 17 | 13 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy ra được một chiếc bút màu đỏ.

**Câu 9 (2 điểm).** Biểu đồ cột kép ở hình dưới cho biết số máy sưởi được bán ra trong tháng 12 và tháng 1 của hai cửa hàng.



a) Tính tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 1.

b) Trong 2 tháng đó thì tháng nào tổng số máy sưởi của hai cửa hàng bán ra được nhiều hơn? Vì sao?

**Câu 10(2,0 điểm).**Cho hình vẽ



1. Trong hình vẽ có những đoạn thẳng, tia nào.
2. Tia AC có cắt đoạn thẳng AD không?
3. Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

**Câu 11 (1,0 điểm).** Tính tổng: 



---**Hết---**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** |
| **HUYỆN KIM SƠN** | **Năm học:** |
|  | **MÔN: TOÁN 6** |
|  |  |

**I. TRẮC NGHIỆM ( 3,0 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **D** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN ( 7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 7****(1,5 điểm)** | a)  | **0,5** |
| b) c)  | **0,5****0,5** |
| **Câu 8****(0,5 điểm)** | Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy ra được một chiếc bút màu đỏ là  | **0,5** |
| **Câu 9****(2,0điểm)** | a) (Thông hiểu)Tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 1 là:40 + 52 = 92 (chiếc) | **1,0** |
| b) (Vận dụng)Tổng số máy sưởi cả hai cửa hàng bán được trong tháng 12là:54 + 60 = 114 (chiếc)Vì 114 > 92 nên tháng 12 tổng số máy sưởi bán ra của hai cửa hàng nhiều hơn tháng 1. | **0,5****0,5** |
| **Câu 10****(2,0 điểm)** | Trong hình vẽ có các đoạn thẳng là: AD, AB, AC, BC | **0,5** |
| Tia AC cắt đoạn thẳng AD tại điểm A  | **0.5** |
| Ta có: AB = BC = 2cm và điểm B nằm giữa hai điểm A và Cnên B là trung điểm của AC | **0.5****0.5** |
| **Câu 11****(1,0 điểm)** |   | **0,5****0,5** |

*(Chú ý : Học sinh làm bằng cách khác đúng cho điểm tương tự)*